

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/DS-ST
Ngày: 28 – 5 – 2024
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt;

2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bùi Văn C, sinh năm 1972.

1.2. Huỳnh Thị TV, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số 366, ấp TA, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.2. Nguyễn Thành L, sinh năm 1968.

2.3. Trần Thị TV2, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan: Võ Văn L2, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp PX, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Bùi Văn C, Huỳnh Thị TV trình bày:

Do chỗ quen biết nên vào năm 2014, 2015, ông Võ Văn L2 có hỏi vay tiền của vợ chồng ông Bùi Văn C, bà Huỳnh Thị TV 03 lần tổng số tiền là 230.000.000 đồng, lãi thỏa thuận từ 1,5%/tháng đến 2%/tháng. Sau khi vay có trả lãi đến tháng 9/2016 thì ngưng kéo dài đến ngày 15/3/2019, do ông L thiếu tiền ông L2, nên 3 bên gồm ông L, ông L2, ông C thống nhất gặt số nợ này là ông L phải trả cho vợ chồng ông C, bà TV vốn vay là 230.000.000 đồng và lãi tính 30 tháng, lãi suất 1,5%/tháng tương ứng số tiền 100.000.000 đồng, cộng lại nên ông L làm biên nhận là 330.000.000 đồng và hẹn trong năm 2020 trả dứt cho ông C, bà TV. Sau khi làm biên nhận đến Tết Nguyên Đán năm 2020 ông L chuyển trả lãi được 10.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Ông C, bà TV có đòi nhiều lần nhưng ông L chỉ hứa mà không chịu trả.

Theo đơn khởi kiện, ông Bùi Văn C, bà Huỳnh Thị TV yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Trần Thị TV2 trả tiền vốn 230.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/3/2019 là 100.000.000 đồng, tổng cộng 330.000.000 đồng, lãi phát sinh với lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 15/3/2019 đến khi giải quyết xong.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 29/3/2024, ông C và bà TV rút yêu cầu khởi kiện đối với bà TV2, yêu cầu ông L:

+ Trả tiền vốn vay 230.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/3/2019 là 100.000.000 đồng, tổng cộng 330.000.000 đồng;

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 15/3/2019 đến ngày 31/12/2020 không yêu cầu vì ông L đã chuyển trả 10.000.000 đồng tiền lãi qua tài khoản ngày 22/01/2020;

+ Tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2021 đến khi xét xử xong với lãi suất 10%/năm/vốn vay 230.000.000 đồng.

- Tại Bản tự khai ngày 02/5/2024, bị đơn Nguyễn Thành L trình bày:

Nơi cư trú của ông L tại Tổ 25, khóm Mỹ Phú, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, không có cư trú tại huyện TB, tỉnh Đồng Tháp, đề nghị chuyển vụ án về Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà TV thì ông L không có ý kiến trình bày.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2024, người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan Võ Văn L2 trình bày:

Ông L2 với ông C, bà TV và vợ chồng ông L, bà TV2 là chỗ quen biết nhiều năm không có họ hàng.

Trước đây, ông L2 với ông L có làm ăn qua lại nhiều lần và ông L có nhờ ông L2 hỏi mượn tiền dùm của vợ chồng ông C, bà TV nhiều lần. Đến ngày 23/01/2017, ông L làm giấy xác nhận nợ nhờ ông L2 hỏi mượn của vợ chồng ông C số tiền 230.000.000 đồng. Đến khoảng năm 2018, ông C liên hệ đòi lại tiền thì 3 bên gồm ông L2, ông C, ông L gặp nhau tại ao nuôi cá của ông L2 tại xã Tân Hòa, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp thống nhất số tiền ông L2 hỏi của ông C 230.000.000 đồng cho ông L, ông L2 có trả lãi thay nhưng không nhớ bao nhiêu tiền, nên 3 bên thống nhất số

tiền ông L2 vay của ông C, bà TV 230.000.000 đồng ông L trả toàn bộ và các bên thống nhất tính lãi 1,5%/tháng để ông L có điều kiện trả cho ông C, bà TV, lúc này có làm giấy đơn giản. Sau đó, ông C có đòi tiền ông L và yêu cầu ông L làm giấy xác định vốn lãi là 330.000.000 đồng trong đó tiền lãi là 100.000.000 đồng làm tròn số, giấy ngày 15/3/2019 mà ông C cung cấp là đúng và ông L2 có ký tên xác nhận phía sau. Đến Tết năm 2020, ông L2 nghe ông C nói lại là ông L chuyển trả được 10.000.000 đồng tiền lãi.

Số tiền ông L2 mượn của ông C, bà TV là mượn giùm cho ông L. Ông L có xác nhận cho ông L2 và khi gạt nợ tay ba thì ông L cũng đồng ý và sau đó còn chuyển trả cho ông C 10.000.000 đồng tiền lãi. Nên trách nhiệm trả số tiền này của ông L, còn phần lãi các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng.

* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Trần Thị TV2 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và đều vắng mặt không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật như vắng mặt tại phiên họp hòa giải, không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần rút kinh nghiệm.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà TV về việc yêu cầu ông L có trách nhiệm trả tiền vay gốc là 230.000.000 đồng, tiền lãi là 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thành L trình bày ông L cư trú tại phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên đề nghị chuyển vụ án về Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh để giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Công an xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp, ông L có cư trú tại Tổ 14, ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp, tại điểm 2 khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “...Nơi cư trú của bị đơn là địa chỉ, chỗ ở hợp pháp mà bị đơn

thường trú, hoặc tạm trú hoặc đang sinh sống theo quy định của Luật cư trú” nên không buộc bị đơn phải đăng ký thường trú tại Tổ 14, ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, ông C, bà TV vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L2 vắng mặt có lý do; ông L, bà TV2 vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà TV, ông L, bà TV2, ông L2 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông C, bà TV về việc yêu cầu ông L có trách nhiệm trả tiền vốn vay 230.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/3/2019 là 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 01/01/2021 đến khi xét xử xong. Xét thấy:

[2.1] Về tiền vốn:

Căn cứ Biên nhận tiền ngày 15/3/2019, Sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Giấy xác nhận nợ ngày 01/01/2022 của ông Võ Văn L2, thể hiện ông Nguyễn Thanh L có nợ của vợ chồng ông Bùi Văn C, bà Huỳnh Thị TV số tiền là 330.000.000 đồng, thời hạn trả đến hết năm 2020, đã trả được 10.000.000 đồng ngày 22/01/2020.

Ông C, bà TV trình bày, trong số tiền 330.000.000 đồng thì tiền vốn là 230.000.000 đồng, tiền lãi là 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Từ ngày 15/3/2019 đến ngày 31/12/2020, ông L trả cho ông C thông qua chuyển khoản tiền lãi là 10.000.000 đồng tại Sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nêu trên. Từ ngày 01/01/2021 đến nay, ông L không thanh toán được số tiền vốn và lãi nào. Về tiền lãi đã trả 10.000.000 đồng ngày 22/01/2020 của số tiền 230.000.000 đồng từ ngày 15/3/2019 đến ngày 31/12/2020 không vượt quá mức lãi suất quy định (20%/năm).

Vậy ông C, bà TV yêu cầu ông L trả số tiền 330.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Ông C, bà TV yêu cầu trả lãi của số tiền 230.000.000 đồng từ ngày 31/12/2020 đến ngày xét xử 28/5/2024 với mức lãi suất 10%/năm, là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận, thành tiền lãi là 78.141.733 đồng (230.000.000 đồng x (10%/12 tháng) x 40 tháng 28 ngày).

Tổng cộng tiền vốn và lãi còn nợ là 408.141.733 đồng.

[2.3] Đối với ông L, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa ông L đều không có ý kiến phản bác, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cho nên ông L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy phải chịu hậu quả pháp lý là có nghĩa vụ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể ông L có trách nhiệm trả cho ông C, bà TV số tiền vốn và lãi còn nợ là 408.141.733 đồng.

[2.4] Về yêu cầu bà TV2 có trách nhiệm trả nợ vay, do ông C, bà TV rút yêu

cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của ông bà.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà TV nên ông L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C, bà Huỳnh Thị TV.

Buộc ông Nguyễn Thành L có trách nhiệm trả cho ông Bùi Văn C, bà Huỳnh Thị TV số tiền vay còn nợ là 408.141.733 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn C, bà Huỳnh Thị TV về việc yêu cầu bà Trần Thị TV2 có trách nhiệm trả nợ.

Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Thành L chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 20.407.000 đồng.

Trả cho ông ông Bùi Văn C, bà Huỳnh Thị TV tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014258 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đông Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H TB;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Liệt – Ngô Văn Khon

Trần Xuân Nữ